TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/10/2019
"V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Ngọc Chiến**
2. Bà **Bùi Thị Kim Loan**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Bích Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/10/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nh,** sinh năm 1985;
Nghề nghiệp: Công nhân – Công ty môi trường Thanh Phong;
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Phương Đ**, sinh năm 1977;
Nghề nghiệp: Công nhân - Công ty than Dương Huy - TKV;
Cùng nơi ĐKNKTT: Tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/03/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh Nguyễn Phương Đ vào năm 2004, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Trung, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09/7/2004, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn chúng tôi về sống chung cùng mẹ anh Đ tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung hạnh phúc, bình thường đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Đ nghi ngờ, ghen tuông với tôi, vì việc

này anh Đ đã chửi bới xúc phạm và nhiều lần đánh tôi thậm tệ. Bản thân tôi không làm gì có lỗi với anh Đ và gia đình, nhưng anh Đ luôn cho là tôi có quan hệ bất chính với người này người kia. Do bị anh Đ chửi bới, đánh đập nên tôi đã về nhà ngoại ở từ tháng 02/2019 đến nay. Tôi muốn về nhà ngoại ở là để anh Đ suy nghĩ lại mọi chuyện, xem anh Đ có thay đổi tính cách không nhưng anh Đ càng ngày càng quá đáng hơn. Khu phố đã hòa giải cho chúng tôi hai lần nhưng không có kết quả, anh Đ vẫn chứng nào tật ấy, không tạo điều kiện cho tôi yên ổn làm ăn. Tôi xét thấy không còn tình cảm gì với anh Đ nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc. Về con chung: Tôi và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 23/7/2015. Khi ly hôn tôi có quan điểm mỗi người nuôi dưỡng một con chung, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Phương, còn anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tùng Dương; hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Thời gian đầu khi tôi về nhà ngoại ở, hai con chung vẫn ở cùng anh Đ, không phải do tôi bỏ con để về nhà ngoại ở mà việc tôi về nhà ngoại ở là được sự đồng ý của ban hòa giải khu phố, của gia đình anh Đ để tránh việc tôi và anh Đ xô xát đánh chửi nhau làm ảnh hưởng đến con cái. Mặt khác, tôi cũng không muốn ảnh hưởng đến việc học hành của các con nên tôi để hai con ở lại cho anh Đ chăm sóc nhưng hàng ngày tôi vẫn qua lại chăm sóc, đưa đón các con đi học, nấu cơm cho các con ăn uống. Trong suốt thời gian đó, anh Đ không hề có thái độ hàn gắn mà còn đe dọa, cấm đoán tôi, không cho tôi chăm sóc đón con. Cũng trong thời gian anh Đ nuôi dưỡng hai con, anh Đ nhiều lần chửi bới, đánh đập con Nguyễn Tùng Dương, thậm chí còn đuổi con Nguyễn Tùng Dương ra khỏi nhà. Nên anh Đ có quan điểm xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Phương, tôi không đồng ý, tôi sợ anh Đ lại đối xử với con Nguyễn Minh Phương như với con Nguyễn Tùng Dương và con Nguyễn Minh Phương là con gái, còn nhỏ, đang trong độ tuổi rất cần có người mẹ bên cạnh gần gũi, chăm sóc mà công việc của anh Đ đi làm ca kíp không có điều kiện chăm sóc con như thời gian vừa qua, con Nguyễn Minh Phương ở với anh Đ bị ốm, sốt li bì nhiều ngày nhưng anh Đ không đưa con đi khám, không mua thuốc cho con để đến khi con sốt kéo dài mất nước nhiều, cơ thể yếu ớt thì anh Đ mới đưa con xuống nhà trả cho tôi. Anh Đ có quan điểm không muốn nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng Dương vì cho là con hư, không dạy dỗ được con, điều này càng thể hiện sự vô trách nhiệm của anh Đ đối với chính con đẻ của mình. Nên nếu anh Đ kiên quyết không nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng Dương thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về điều kiện nuôi dưỡng con của tôi hiện nay là khó khăn, tôi hiện đang làm việc tại Công ty môi trường Thanh Phong, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng, tôi sẽ cố gắng khắc phục, tôi không thể bỏ con được. Khi tôi được nuôi dưỡng cả hai con chung, tôi yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của tôi đối với anh Đ, anh Đ cung cấp bằng chứng và trình bày về việc tôi có hành vi không đúng đắn với người đàn ông khác trước mặt con gái tôi; tôi đánh đập con, gây thương tích cho con Nguyễn Minh Phương hoàn toàn là lời bịa đặt, vu khống cho tôi. Việc anh Đ ghi âm cuộc nói chuyện của anh Đ

với con Nguyễn Minh Phương không có sự chứng kiến của người thứ ba; những vết xước ở tay con là do con giằng đồ uống với anh trai nên con tự cào vào tay mình nhưng anh Đ lại cho rằng tôi gây thương tích cho con tôi. Con trai lớn Nguyễn Tùng Dương đã gần 17 tuổi, đủ nhận thức và hiểu biết sự việc diễn ra, con thường xuyên ở nhà trọ với tôi, có thể làm chứng cho tôi. Tất cả là do anh Đ tự suy diễn, suy luận và vu cáo tôi, đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi. Về tài sản chung của tôi và anh Đ gồm có: 01 căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng khoảng 100 m2 được xây trên diện tích đất 128,2 m2 được quyền sử dụng tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã được Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 613550 ngày 20/01/2012 mang tên người sử dụng đất bà Bùi Thị Mật, xác nhận đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Phương Đ và chị Nguyễn Thị Nh ngày 06/02/2017; 01 sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng do anh Đ đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Quảng Ninh (gọi tắt là Ngân hàng SHB). Đối với nhà đất, tôi tự xác định trị giá khoảng 600.000.000 đồng; về nguồn gốc nhà đất thì quyền sử dụng đất là của bà Bùi Thị Mật (mẹ đẻ của anh Đ) cho từ năm chúng tôi kết hôn về ở với bà. Đến 2013, tôi và anh Đ xây dựng căn nhà cấp 03 (01 tầng và 01 tum). Đến năm 2017, bà Bùi Thị Mật đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cả tôi và anh Đ. Trong quá trình Tòa án giải quyết, do tôi và anh Đ không thống nhất được về trị giá nhà đất và không thỏa thuận lựa chon tổ chức thẩm định giá tài sản nên tôi đã yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản (nhà đất nêu trên). Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: Trị giá nhà đất tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh của tôi và anh Đ có trị giá là 257.050.000 đồng, tôi đồng ý không có ý kiến gì khác. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Hội đồng định giá định giá lại đối với tài sản (nhà đất nêu trên) của tôi và anh Đ nhưng tôi xét thấy trị giá nhà đất do Hội đồng định giá đã xác định là phù hợp, tôi không có ý kiến, yêu cầu gì về trị giá nhà đất do Hội đồng định giá đã xác định. Tôi yêu cầu Tòa án chia nhà đất nêu trên cho tôi và anh Đ theo quy định pháp luật. Anh Đ có quan điểm do nguồn gốc quyền sử dụng đất là của mẹ anh Đ cho nên yêu cầu Tòa án chia trị giá quyền sử dụng đất thành 3 phần: anh Đ được hưởng hai phần, tôi được một phần; còn trị giá nhà ở thì chia đôi cho tôi và anh Đ mỗi người hưởng một nửa, tôi chấp nhận. Nếu anh Đ không có nhu cầu sở hữu, sử dụng nhà đất thì tôi xin được sở hữu, sử dụng và có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản (nhà đất) cho anh Đ. Đối với 01 sổ tiết kiện 40.000.000 đồng do anh Đ đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB, theo anh Đ trình bày là đã rút số tiền này vào ngày 26/03/2019 để chi tiêu cá nhân nên tôi yêu cầu Tòa án chia cho tôi được hưởng một nửa số tiền này. Còn đối với 02 sổ tiết kiệm do tôi đứng tên gửi tiết kiệm mà anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết gồm: 01 Sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng gửi năm 2017 và 01 sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng gửi năm 2018, tôi đều gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả (gọi tắt là Ngân hàng Công thương Cẩm Phả) nhưng sổ 40.000.000 đồng gửi năm 2017, tôi đã rút từ năm 2017,

để chi tiêu sinh hoạt cho gia đình, thời gian này vợ chồng vẫn chung sống bình thường; còn sổ 50.000.000 đồng gửi năm 2018, tôi đã rút từ đầu năm 2019, thời gian này vợ chồng đã mâu thuẫn, tôi về nhà ngoại ở nhưng để có chỗ ở cho ba mẹ con, tôi phải đi thuê nhà ở và trong thời gian tìm việc làm, không có tiền để nuôi con và đóng học cho hai con, anh Đ cũng không có trách nhiệm gì về kinh tế đối với các con nên tôi phải rút tiền này để đóng tiền học cho các con và chi phí sinh hoạt cho ba mẹ con nên tôi không đồng ý chia hai sổ tiết kiệm này cho anh Đ.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2019, ngày 11/7/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Phương Đ trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Nh kết hôn với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Trung, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng mẹ tôi tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi chị Nh xin được vào làm việc tại Công ty TOYOTA Cẩm Phả, chị Nh đã nảy sinh tình cảm với người đàn ông làm cùng công ty, tôi đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị Nh không nghe, từ tháng 02/2019, chị Nh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Tôi đã nhiều lần xuống nhà nói chuyện bảo chị Nh quay về nhưng chị Nh không nghe, khu phố cũng đã hai lần hòa giải nhưng chị Nh vẫn kiên quyết muốn ly hôn. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù tôi chưa bắt quả tang việc chị Nh ngoại tình nhưng tôi biết chị Nh vẫn tiếp tục quan hệ với người đàn ông làm cùng với chị Nh ở Công ty TOYOTA trước đây, chị Nh còn có những hành động tình cảm trước mặt con gái (con gái đã khoe với tôi). Đến nay tôi xét thấy hai bên không còn tình cảm với nhau nữa nên tôi đồng ý ly hôn. Tôi và chị Nh có hai con chung đúng như chị Nh trình bày, tôi từ trước vẫn có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng cho con vì từ khi chị Nh bỏ nhà bỏ con đi về nhà ngoại ở, hai con chung vẫn ở cùng với tôi chỉ khi con Nguyễn Minh Phương ốm sốt, tôi đã nhiều lần gọi chị Nh về để chăm sóc con nhưng chị Nh nhất quyết không về nên khi con bệnh nặng, sốt vi rút kéo dài tôi mới đưa con cho chị Nh chăm sóc. Từ đó, chị Nh giữ con luôn không cho con về ở với tôi; có lần tôi đưa con về nhà ăn bữa cơm, chị Nh đã đưa bố đẻ đến nhà tôi để cướp con, giằng con về và từ đó chị Nh không cho tôi đến thăm con nữa, khi tôi đến thì bảo con đuổi tôi về. Cũng từ khi ly thân, con Nguyễn Tùng Dương mặc dù ở với tôi nhưng thường xuyên nghe mẹ, có thái độ lời lẽ chửi bới tôi, hỗn láo đối với tôi; có lần còn xông vào kéo tôi, đánh tôi, giữ tôi, chửi tôi để mẹ nó chạy thoát. Mặt khác, chị Nh còn đưa trai về phòng trọ và có những cử trí âu yếm nhau trước mặt con nhỏ; từ khi con Nguyễn Minh Phương về ở với chị Nh, tôi đã nhìn thấy những vết bầm tím trên người, trên mặt và tay con. Tôi đã ghi âm, chụp ảnh lời của con Nguyễn Minh Phương và lưu vào USB để nộp cho Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Phương, còn con Nguyễn Tùng Dương để cho chị Nh nuôi dưỡng vì tôi hoàn toàn bất lực, không thể nuôi dưỡng, dạy dỗ được con Nguyễn Tùng Dương; hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Đối với quan điểm của chị Nh về việc chị

Nh xin nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu tôi cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/ tháng, tôi không đồng ý. Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm xin được nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Phương, còn chị Nh nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng Dương; hai bên không phải cấp dưỡng cho con chung với nhau. Về tài sản chung: Đối với yêu cầu chia căn nhà cấp ba xây trên diện tích đất 128,2 m2 được quyền sử dụng tại tổ 2, khu 2B, phường CẩmTrung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, có nguồn gốc của mẹ đẻ tôi là bà Bùi Thị Mật được thừa kế. Sau khi tôi và chị Nh kết hôn thì về sống chung cùng mẹ đẻ tôi tại căn nhà cấp bốn cũ xây trên thửa đất này, đến năm 2013, mẹ tôi bỏ tiền ra xây dựng căn nhà cấp ba (nhà mái bằng 01 tầng và 01 tum) để cả nhà cùng ở. Đến Năm 2016, do mẹ tôi ốm đau nên đã chuyển nhượng cho tôi và chị Nh với mục đích để sử dụng. Về trị giá nhà đất, Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019 đã kết luận là 257.050.000 đồng, tôi đồng ý, không có ý kiến gì khác. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Hội đồng định giá định giá lại đối với tài sản (nhà đất nêu trên) của tôi và chị Nh nhưng tôi xét thấy trị giá nhà đất do Hội đồng định giá đã xác định là phù hợp, tôi không có ý kiến, yêu cầu gì về trị giá nhà đất do Hội đồng định giá đã xác định. Tôi yêu cầu Tòa án chia trị giá quyền sử dụng đất thành 3 phần, tôi được hưởng 2 phần, chị Nh được hưởng 1 phần; còn trị giá nhà ở thì chia đôi, tôi và chị Nh mỗi người một nửa. Đối với yêu cầu chia sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng do tôi đứng tên gửi tại Ngân hàng SHB, tôi không chấp nhận vì số tiền này tôi đã rút về từ tháng 3/2019 để chi tiêu cho bản thân. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh còn đứng tên gửi 02 sổ tiết kiện tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả (sổ 40.000.000 đồng gửi năm 2017 và sổ 50.000.000 đồng gửi năm 2018), tôi yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền này cho tôi và chị Nh. Chị Nh trình bày đã rút sổ 40.000.000 đồng từ năm 2017, để chi tiêu sinh hoạt cho gia đình, còn sổ 50.000.000 đồng gửi năm 2018, chị Nh trình bày đã rút từ đầu năm 2019, đã chi tiêu hết cho ba mẹ con trong thời gian sống ly thân, tôi không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh, quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Phương Đ và cũng như yêu cầu khởi kiện chia tài sản bổ sung của anh Nguyễn Phương Đ và quan điểm của chị Nguyễn Thị Nh đối với yêu cầu của anh Đ như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng định giá tài sản đã định giá nhà đất của chị Nh anh Đ không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, tiến hành định giá lại tài sản theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Phương Đ là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Trung, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh ngày 09/7/2004. Vợ chồng sống đã có thời gian sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Nh và anh Đ trình bày nêu trên, cả chị Nh và anh Đ đều xác định đã được gia đình, khu phố hòa giải hai lần nhưng không có kết quả, chị Nh và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Chị Nh xin ly hôn, anh Đ nhất trí. Về con chung: Chị Nh và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 23/7/2015, từ khi chị Nh và anh Đ sống ly thân, các con chung ở với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Phương, anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tùng Dương; hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Chị Nh không đồng ý với quan điểm của anh Đ về việc: anh Đ xin nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Phương vì con Nguyễn Minh Phương là con gái, còn rất nhỏ, đang trong độ tuổi rất cần có sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Anh Đ cung cấp chứng cứ gồm USB lưu trữ cuộc nói chuyện của anh Đ với con Nguyễn Minh Phương về việc chị Nh có hành vi quan hệ tình cảm không đúng mực với người đàn ông khác trước mặt con và ảnh chụp những dấu vết sước trên bàn tay (theo anh Đ trình bày là tay con Nguyễn Minh Phương) là không đúng chỉ do anh Đ tự chụp ảnh, tự nói chuyện ghi âm với con Nguyễn Minh Phương. Hơn nữa, anh Đ đi làm ca kíp không có điều kiện chăm sóc con nhỏ, nhất là khi con ốm đau. Còn đối với con Nguyễn Tùng Dương, chị Nh có quan điểm nếu anh Đ không nhận nuôi con Nguyễn Tùng Dương vì cho là con hỗn láo, anh Đ không dạy dỗ được thì chị Nh xin được nuôi dưỡng cả con chung Nguyễn Tùng Dương và để đảm bảo cho con về mọi mặt, chị Nh yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/tháng. Anh Đ có quan điểm xin được nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Phương vì cho là chị Nh không đủ tư cách, đạo đức, bạo hành với con, còn con Nguyễn Tùng Dương để cho chị Nh nuôi dưỡng vì anh Đ hoàn toàn bất lực, không thể nuôi dưỡng, dạy dỗ được con Nguyễn Tùng Dương; hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau. Anh Đ không chấp nhận quan điểm của chị Nh về việc: Chị Nh nuôi dưỡng cả con chung Nguyễn Tùng Dương và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, chị Nh và anh Đ đều xác định trong thời kỳ hôn nhân có các tài sản chung sau: Nhà đất tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, về gốc nhà đất là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mẹ anh Đ, về hồ sơ nhà đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 613550 ngày 20/01/2012 mang tên người sử dụng đất bà Bùi Thị Mật, xác nhận đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Phương Đ và chị Nguyễn Thị Nh ngày 06/02/2017; trị giá nhà đất là 257.050.000 đồng (theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019, do Tòa án nhân

dân thành phố Cẩm Phả ra quyết định định giá theo yêu cầu của chị Nh) và 03 sổ tiết kiệm: 01 sổ 40.000.000 đồng do anh Đ đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB năm 2018; 01 Sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng gửi năm 2017 và 01 sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng gửi năm 2018, đều do chị Nh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả. Chị Nh và anh Đ đã thống nhất được cách thức chia tài sản (nhà đất), không thống nhất về cách chia số tiền gửi tiết kiệm.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Phương Đ cư trú trước khi sống ly thân. Kết quả được đại diện khu phố cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của chị Nh và anh Đ: Chị Nh và anh Đ phát sinh mâu thuẫn được khoảng một năm nay, nguyên nhân do anh Đ nghi ngờ chị Nh có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác vì việc này vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát mất trật tự khu phố và ảnh hưởng đến con cái, khu phố đã hòa giải nhưng không có kết quả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019, cháu Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 27/11/2004, con chung của chị Nh và anh Đ khai như sau: Cháu Dương biết việc mẹ xin ly hôn bố tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, về lý do mẹ xin ly hôn thì cháu Dương không biết chỉ thấy quá trình sống chung bố mẹ thường xuyên cãi nhau, có vài lần cãi nhau to, bố đã đánh mẹ. Mẹ đã về nhà ông ngoại ở từ rằm tháng giêng năm 2019, cháu ở cùng với bố và hai bố con đã hai lần xảy ra mâu thuẫn. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố vì nếu cả hai anh em cùng ở với mẹ thì với mức thu nhập của mẹ hiện nay không thể nuôi được cả hai anh em, vì em gái cháu còn nhỏ nên ở với mẹ, cháu lớn rồi ở với bố để bố nuôi ăn học đỡ gánh nặng cho mẹ.

Tòa án đã ra quyết định yêu cầu Ngân hàng Công thương Cẩm Phả, Ngân hàng SHB cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định việc chị Nh, anh Đ có tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng không? Nếu có thì số tiền gửi là bao nhiêu, thời gian gửi, đã hết thời hạn gửi chưa, chị Nh và anh Đ đã lĩnh tiền gửi chưa hay vẫn đang gửi tiền tiết kiệm tại các Ngân hàng. Ngày 22/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã nhận được Công văn số: 487/CV-NHCTCP ngày 16/7/2019 của Ngân hàng Công thương Cẩm Phả cung cấp thông tin chi tiết các khoản tiền gửi tiết kiệm của chị Nh tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả như sau: Ngày 02/11/2015 gửi ngày 06/02/2017 tất toán, số tiền 42.741.119 đồng; ngày 06/02/2017 gửi ngày 10/10/2017 tất toán, số tiền 41.080.719 đồng và ngày 01/11/2018 gửi ngày 19/02/2019 tất toán, số tiền 50.015.068 đồng. Ngày 27/9/2019, nhận được Công văn số: 336/2019/CV-SHBQN ngày 25/9/2019 của Ngân hàng SHB cung cấp thông tin chi tiết các khoản tiền gửi tiết kiệm của anh Đ tại Ngân hàng SHB như sau: Ngày 24/3/2018 gửi ngày 26/9/2018 tất toán, số tiền 41.452.900 đồng; ngày 26/9/2018 gửi ngày 26/3/2019 tất toán, số tiền 41.384.822 đồng.

Ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá định giá đối với tài sản (nhà đất) chị Nh và anh Đ đang tranh chấp theo yêu cầu của chị Nh, kết quả như sau:

- Tài sản xem xét, thẩm định tại chỗ là nhà căn nhà mái bằng một tầng, diện tích 76 m2 và có một tum diện tích 10 m2, xây dựng từ năm 2013 trên diện tích đất 128,2

m2 được quyền sử dụng tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vị trí nhà đất: Phía Đ giáp hộ ông Khe, phía tây giáp đường bê tông, phía nam giáp hộ ông Quang, phía bắc giáp hộ chị Tú.

Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019:

Căn cứ Quyết định số: 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 và căn cứ quyết định số: 11/2019/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để kết luận:

- Quyền sử dụng đất ở tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh có giá là 900.000 đồng/1m2; hệ số điều chỉnh là 1,5, cụ thể: Quyền sử dụng đất ở tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh có diện tích là 128,2 m2 x (900.000 đồng x 1,5) = 173.070.000 đồng.

Căn cứ Quyết định số: 290/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để kết luận giá trị tài sản trên quyền sử dụng đất ở tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh có giá trị: 83.980.000 đồng.

Tổng trị giá nhà đất là: 257.050.000 đồng.

Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019, không định giá quyền sử dụng đất ở tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo giá thị trường nơi có tài sản cần định giá tại thời điểm định giá với lý do: Thời gian gần đây tại khu vực có tài sản cần định giá không có giao dịch chuyển nhượng để tham khảo.

[3]Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như nêu trên, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ quy định tại các Điều 33, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Nh xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh Đ.

Đối với quan điểm của chị Nh và anh Đ về phần con chung như nêu trên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã xem xét quan điểm của chị Nh, anh Đ và tài liệu, chứng cứ anh Đ giao nộp để Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Phương. Lời trình bày của anh Đ về việc chị Nh có quan hệ tình cảm với người đàn ông làm cùng chị Nh tại Công ty TOYOTA Cẩm Phả và USB lưu trữ cuộc nói chuyện của anh Đ với con Nguyễn Minh Phương về nội dung chị Nh có hành vi, tình cảm không đúng mực với người đàn ông khác trước mặt con và ảnh chụp những dấu vết sước trên bàn tay (theo anh Đ trình bày là tay con Nguyễn Minh Phương) là không có căn cứ để chấp nhận và sử dụng làm chứng cứ. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị Nh và anh Đ về quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền về lợi ích hợp pháp của mình hoặc đề nghị Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ việc mà tự mình không thể thực hiện

được...theo quy định tại Khoản 5, 7 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự để có cơ sở xác định chị Nh có ngoại tình, có hành vi, tình cảm không đúng mực với người đàn ông khác trước mặt con và có bạo hành (đánh con) như anh Đ trình bày không nhưng cả chị Nh và anh Đ đều không có yêu cầu gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của anh Đ về phần con chung, chấp nhận quan điểm của chị Nh về phần con chung: Giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Tùng Dương và Nguyễn Minh Phương cho đến khi đủ 18 tuổi. Với điều kiện hiện nay của chị Nh, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con chung của chị Nh, thực hiện nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và căn cứ vào mức thu nhập bình quân của anh Đ tại Công ty than Dương Huy là 15.000.000 đồng/tháng (theo anh Đ trình bày). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/tháng. Buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi con Nguyễn Tùng Dương đủ 18 tuổi; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về trị giá tài sản (nhà đất) của chị Nh và anh Đ do Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019 đã kết luận như nêu trên. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc Hội đồng định giá tài sản đã định giá nhà đất của chị Nh và anh Đ không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, tiến hành định giá lại tài sản theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Chị Nh và anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí với trị giá nhà đất do Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019 đã kết luận, không yêu cầu định giá lại nhà đất theo quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa về việc tạm ngừng phiên tòa, tiến hành định giá lại tài sản theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về yêu cầu chia tài sản của chị Nh và anh Đ:

- Đối với tài sản (nhà đất) tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nh và anh Đ đều nhất trí với trị giá nhà đất do Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2019 đã kết luận: Trị giá quyền sử dụng đất là: 173.070.000 đồng; trị giá tài sản trên đất là 83.980.000 đồng và thống nhất được cách phân chia như sau: Trị giá quyền sử dụng đất chia thành 3 phần, anh Đ được hưởng 2 phần, chị Nh được hưởng 1 phần; trị giá tài sản trên đất chia đôi cho chị Nh và anh Đ mỗi người một nửa. Sự thỏa thuận của chị Nh và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 03 sổ tiết kiệm (01 sổ tiết kiện 40.000.000 đồng do anh Đ đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB năm 2018; 01 sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng do chị Nh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả năm 2017 và 01 sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng do chị Nh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công

thương Cẩm Phả gửi năm 2018). Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của chị Nh và anh Đ về việc chia số tiền tiết kiệm tại 03 sổ tiết kiệm này như nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của chị Nh trình bày về việc chị Nh đã rút sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng do chị Nh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả năm 2017 từ tháng 10/2017 để chi phí sinh hoạt trong gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của anh Đ và chị Nh về việc: Sổ tiết kiệm 40.000.000 đồng do anh Đ đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB năm 2018, anh Đ đã rút số tiền này vào ngày 26/03/2019, để chi tiêu cá nhân và sổ tiết kiệm 50.000.000 đồng do chị Nh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Công thương Cẩm Phả gửi năm 2018, chị Nh đã rút số tiền này vào ngày 19/02/2019, để lo cuộc sống của ba mẹ con trong thời gian chị Nh mới sống ly thân với anh Đ, chị Nh chưa tìm được việc làm. Hội đồng xét xử xác định hai khoản tiền tiết kiệm này là tài sản chung của chị Nh và anh Đ, mặc dù chị Nh và anh Đ đã rút về để chi tiêu nhưng trong thời gian sống ly thân nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, vẫn xác định là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi số tiền này cho chị Nh và anh Đ sở hữu.

Cụ thể: + Phần tài sản của chị Nh được chia như sau: Trị giá quyền sử dụng đất là: 173.070.000 đồng : 3 = 57.690.000 đồng; trị giá tài sản trên đất là: 83.980.000 đồng : 2 = 41.990.000 đồng; tiền tiết kiệm là 45.000.000 đồng. Tổng cộng là: 144.680.000 đồng.

+ Phần tài sản của anh Đ được chia như sau: Trị giá quyền sử dụng đất là: 173.070.000 đồng : 3 = (57.690.000 đồng x 2)= 115.380.000 đồng; trị giá tài sản trên đất là: 83.980.000 đồng : 2 = 41.990.000 đồng; tiền tiết kiệm là 45.000.000 đồng. Tổng cộng là: 202.370.000 đồng.

+ Giao cho anh Đ sở hữu, sử dụng nhà đất tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

+ Chị Nh đang quản lý số tiền tiết kiệm 50.000.000 đồng, anh Đ còn phải thanh toán cho chị Nh 94.680.000 đồng tiền tài sản chung.

[4]Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Phương Đ phải chịu án phí cấp dưỡng cho con; chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Phương Đ phải chịu án phí tranh chấp chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, cụ thể: Phần trị giá tài sản chị Nh được chia là: 144.680.000 đồng x 5% = 7.234.000 đồng án phí; phần trị giá tài sản anh Đ được chia là: 202.370.000 đồng x 5% = 10.118.500 đồng án phí; chị Nguyễn Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên không đề cập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điểm a, b Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh. Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Phương Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 23/7/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Phương Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng Dương mức 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi con Nguyễn Tùng Dương đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Phương Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Phương Đ được quyền sở hữu căn nhà mái bằng 01 tầng, diện tích 76 m2 và 01 tum diện tích 10 m2, xây dựng từ năm 2013 trên diện tích đất 128,2 m2 được quyền sử dụng tại tổ 2, khu 2B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 613550 ngày 20/01/2012 mang tên người sử dụng đất bà Bùi Thị Mật, xác nhận đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Phương Đ và chị Nguyễn Thị Nh ngày 06/02/2017. Vị trí nhà đất: Phía Đ giáp hộ ông Khe, phía tây giáp đường bê tông, phía nam giáp hộ ông Quang, phía bắc giáp hộ chị Tú. Tổng trị giá nhà đất là: 257.050.000 đồng *(Hai trăm năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Phương Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Nh 94.680.000 đồng *(Chín mươi tư triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền tài sản chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật; chị Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Phương Đ không trả đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 7.234.000 đồng *(Bảy triệu, hai trăm ba mươi tư nghìn đồng)* án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004425 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Trả lại cho chị Nh số tiền 766.000 đồng *(Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004425 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Phương Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng cho con và 10.118.500 đồng *(Mười triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng)* án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004626 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Anh Đ còn phải nộp 9.293.500 đồng *Chín*

triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Trung;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; vp.

Nguyễn Thúy Hằng